

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 354/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 22 tháng 3 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ; số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;*

*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021; Văn bản số 13288/BTC-QLG ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022;*

*Thực hiện Thông báo số 946-TB/TU ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-KTNS ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh (giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là giá không có thuế giá trị gia tăng), cụ thể như sau:

## 1. Đối với đất trồng lúa

TT	Biện pháp công trình	Giá (1.000đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu động lực	1.646
2	Tưới tiêu trọng lực	1.152
3	Tưới tiêu trọng lực kết hợp với động lực	1.399
4	Tưới động lực, tiêu trọng lực	1.498
5	Tưới trọng lực, tiêu động lực	1.300
6	Tạo nguồn bậc 2, tưới tiêu động lực	1.975
7	Tạo nguồn bậc 2, tưới tiêu trọng lực	1.382
8	Tạo nguồn bậc 2 tưới động lực, tiêu trọng lực	1.778
9	Tạo nguồn tưới, tiêu động lực	823
10	Tạo nguồn tưới, tiêu trọng lực	461

Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá tối đa cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại mục 1, 2, 3 tại biểu trên.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá bằng 40% mức giá tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này.

3. Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây cảnh, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m<sup>3</sup> cho cấp nước bằng động lực, bằng 840 đồng/m<sup>3</sup> cho cấp nước bằng trọng lực; nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

4. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m<sup>3</sup> cho cấp nước bằng động lực, bằng 600 đồng/m<sup>3</sup> cho cấp nước bằng trọng lực; nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm.

5. Tiêu nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: mức giá bằng 82.300 đồng/ha/vụ cho tiêu bằng động lực, bằng 57.600 đồng/ha/vụ cho tiêu bằng trọng lực.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ Mười hai nhất trí thông qua ngày 22 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / .*Arưưư*

### Nơi nhận: *nh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Trần Quốc Toàn*  
**Trần Quốc Toàn**